TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 51/2019/DS-PT
Ngày: 18/9/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Liên.

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và Bà Lê Thị Hồng Phương.

Thư ký phiên toà: Ông Lý Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44 /2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm 01/2019 ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân Thị xã Phổ Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2019/QĐPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1960 (có mặt)

Chổ ở hiện Nay: Tổ dân phố QV, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKNK thường trú: Tổ dân phố 2, phường BH, thị xã PY

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Th – Luật sư - Văn phòng Luật sư TH - Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH VL

Địa chỉ trụ sở chính: Phố M, phường CĐ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật của công ty**:** Bà Vũ Thị N – chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên;

Nơi ĐKNK thường trú: 638 BĐ, phường BĐ, quận HBT, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Hà Minh T (tên gọi khác Hà Thị L), sinh năm 1969;

Chổ ở hiện nay: Tổ 14, phường GS, thành phố TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm Nguyên đơn Ông Hoàng Văn H trình bày: Ông Hvà ông Ngcó mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 31/12/2010, ông Ngcó đến gia đình Ông H vay tiền. Do đã biết nhau từ trước nên Ông H đã đồng ý cho ông Ngvay số tiền 1.200.000.000đ, mục đích vay để đầu tư vào kinh doanh tại Km 20, thời hạn vay 03 tháng, lãi xuất 2,5%. Khi vay ông Ng đã tự tay viết và ký vào giấy biên nhận vay tiền. Hết thời hạn 3 tháng không thấy ông Ng trả tiền, Ông H đã nhiều lần đến gặp ông N yêu cầu trả tiền vay gốc và lãi như thỏa thuận, ông Ng không trả. Sau nhiều lần kiên trì đòi thì ông Ng đã trả được cho Ông H số tiền gốc 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể các lần trả như sau: Ngày 27/12/2011 trả 150.000.000đồng; ngày 11/8/2012 (24/6) trả 150.000.000đồng; Ngày 26/10/2012 (12/9/2012) trả 30.000.000đồng; ngày 30/10/2012 (16/9/2012) trả 20.000.000đồng; ngày 25/12/2012 (13/11/2012) trả 80.000.000đồng; Ngày 05/01/2013 trả 50.000.000đồng; ngày 07/02/2013 (27/12/2012) trả 100.000.000đồng; ngày 24/4/2013 (13/3/2013) trả 50.000.000đồng; ngày 27/5/2013 trả 20.000.000đồng. Hiện ông Ng còn nợ lại ông số tiền gốc 550.000.000đ và toàn bộ số tiền lãi. Nay Ông H khởi kiện yêu cầu ông Ng phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 550.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/02/2019 là 68 tháng 25 ngày, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn: Là khoản tiền lãi tính theo lãi suất cho vay trong thời hạn vay quy định tại hợp đồng vay. Xác định khoảng thời gian 03 tháng của Hợp đồng vay là từ ngày 31/12/2010 – 30/3/2011. Xác định lãi suất là mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép là 1,1%/tháng (1.200.000.000 đồng x 1,1%/tháng x 3 tháng) = 39.600.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn: Xác định khoảng thời gian tính lãi: Ngày 30/03/2011 là thời hạn phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất nhưng ông Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ, thay vào đó ông Ng đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ gốc và được Ông H chấp nhận nên trong khoảng thời gian từ 30/03/2011 đến 27/05/2013 không yêu cầu ông Ng phải trả lãi mà thời điểm phải trả lãi quá hạn tính từ ngày liền sau ngày thực hiện nghĩa vụ cuối cùng, là ngày 28/5/2013 đến ngày tòa tuyên án.

Các khoản tiền lãi quá hạn: Mức lãi suất xác định theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm. Tạm tính đến ngày xét xử vụ án 22/2/2019 là: 68 tháng 25 ngày.

Khoản lãi 1: là lãi suất tương ứng của Khoản lãi trong hạn mà ông Ngphải trả. Số tiền này được tính bằng: [Khoản lãi trong hạn] x [lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước] x [thời gian chậm trả] = 39.600.000đ x 9%/12 tháng x 68 tháng 25 ngày = 20.442.510đồng.

Khoản lãi 2: là lãi suất tương ứng của số tiền nợ gốc chưa trả. Số tiền này được tính bằng: [Nợ gốc] x [lãi suất cơ bản của NHNN] x [thời gian chậm trả] = 550.000.000đ x 9%/12 tháng x 68 tháng 25 ngày = 283.923.750đồng.

Tổng tiền lãi yêu cầu: Tiền lãi trong hạn + Tiền lãi quá hạn (Khoản lãi 1, Khoản lãi 2) = 39.600.000đ + 20.442.510đ + 283.923.750đ = 343.966.260đồng.

Tổng cộng Ông H yêu cầu ông Ng phải trả cho ông số tiền gốc và lãi suất là 893.966.260đ (Tám trăm chín mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi đồng). Toàn bộ số tiền này Ông H xác định là tiền của cá nhân ông không liên quan gì đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại HP và vợ ông bà Nguyễn Thị H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn giữ nguyên phần trình bày như đã nêu ở trên và đề nghị phần tính lãi suất tính đến ngày xét xử là ngày 22/3/2019 cụ thể:

Số tiền lãi trong hạn là: 1.200.000.000 đồng x 1,1%/tháng x 3 tháng = 39.600.000 đồng.

Tiền lãi quá hạn: Khoản lãi 1: là 39.600.000đ x 0,75%/ tháng x 69 tháng 23 ngày = 20.720.700đồng; Khoản lãi 2: là 550.000.000đ x 0,75%/ tháng x 69 tháng 23 ngày = 287.787.500đồng.

Tổng tiền lãi yêu cầu: là 348.108.200đồng.

Tổng cộng Ông H yêu cầu ông Ng phải trả nợ gốc và Tiền lãi là: 898.108.200đ (Tám trăm chín mươi tám triệu một linh tám nghìn hai trăm đồng).

Bị đơn và người đại diện của bị đơn Ông Nguyễn Đình Ng trình bày: Ngày 31/12/2010 tại gia đình ông H, ông Ng có nhận của Ông H 1.200.000.000đồng (khoản tiền này được nhận làm hai lần, lần 1 là 700.000.000đồng, lần 2 vào ngày 31/12/2010 nhận 500.000.000đồng) và Ông Hđã yêu cầu ông Ngphải viết giấy biên nhận, ông Ng đã viết và ký tên. Nhưng thực chất đây không phải là việc ông Ng vay tiền của Ông H mà là số tiền hai ông bàn bạc tham gia góp vốn vào cùng Công ty VL đầu tư vào khu đất Km 20, phường Cải Đan. Ông Ng đã trao đổi thỏa thuận với Công ty VL là ông T giám đốc và bà L vợ ông T, quá trình hai bên thỏa thuận

đã đi đến thống nhất. Ông H nói với ông Ng để cho một mình ông Ng đứng ra còn Ông H sẵn sằng góp vốn để mua xưởng phụ gia. Hai bên đã tiến hành ký kết hợp đồng liên doanh ngày 16/12/2010. Giữa một bên là Công Ty TNHH VLmột bên là công ty TNHH Đại Dương do ông Nglàm giám đốc và hai bên đã có văn bản thỏa thuận. Tổng số vốn góp hai bên xác định: Ông Nggóp 2/3 vốn, VL là 1/3 vốn. Tỷ lệ với tổng số tiền là 5,2 tỷ đồng. Trong đó Ông H góp 1,2 tỷ còn lại là của ông Ng góp. Sau khi thống nhất xong thì Ông Hđ ã giao tiền cho ông Ng cùng với bà L là vợ ông T trực tiếp đến nhà Ông H nhận. Ông H vì sợ chắc lép đã đề nghị ông Ng viết giấy vay tiền ngày 31/12/2010, có bà Lan chứng kiến. Ông H đọc cho ông Ng viết giấy vay tiền với lãi suất 2.5 % tháng thời hạn 3 tháng và chính giấy vay tiền này mà Ông Hđ ã khởi kiện. Sau khi góp tiền vào Công ty VL, được một thời gian thì Ông Hthay đổi không góp vốn nữa và đòi ông Ng phải trả lại số tiền 1.200.000.000đồng. Trong hai năm đầu Ông H và ông Ng đã rất nhiều lần đến công ty VL, Ông H yêu cầu trả lại tiền, bà Lan nhiều lần trả tiền cho ông H, còn ông Ngtrực tiếp trả ba lần, lần 1 vào cuối năm 2012 trả 80.000.000đồng, lần 2 vào đầu năm 2013 trả 50.000.000đồng và lần 3 ngày 10/02/2013 trả 1,2 tỷ đồng, sau đó bà Lan không biết lại trả tiếp cho Ông Hhai lần tiền nữa tức là ngày 22/4/2013 và 27/5/2013.

Về số tiền 1.200.000.000đồng ông Ng trả cho Ông H là hôm đó ông Ng đi công tác, không có nhà, nên ông Ngyêu cầu Ông Hđến công ty và phải mang giấy giới thiệu thì kế toán hoặc người nhà ông Ngmới trả tiền. Nhưng sau đó ông Ngthấy số tiền lớn không thể để cho kế toán trả và do kế toán yêu cầu ông Ngphải quay về để trực tiếp trả, nên ông Ng đã quay lại trực tiếp trả tiền cho ông H, khi ông Ng trả xong thì Ông H đã đưa cho ông Ng giấy giới thiệu có nội dung đã nhận đủ 1.200.000.000đồng. Qúa trình tiếp xúc và làm việc với ông Ngvà làm việc với bà L thì ông Th đã hỏi tại sao công ty không viết phiếu chi tiền, thì ông Ng nói cho rằng số tiền này không liên quan đến công ty và VLvỡ nợ không có tiền nên ông Ng đã đứng ra trả số tiền này cho ông H. Đến nay ông Ng đã trả cho Ông H1.850.000.000 đồng.

Năm 2014 Ông H khởi kiện, lúc đó ông Ng để thất lạc giấy nhận tiền là giấy giới thiệu. Vì thế Ông H cho rằng ông Ng không có cơ sở pháp lý nào, không có căn cứ nào để chứng minh là Ông H đã nhận tiền của ông Ng, nên Ông H mới phát sinh khởi kiện. Quá trình xử sơ thẩm ông Ng chưa tìm được giấy đó nên Tòa án đã xử buộc ông Ngphải trả cho Ông H số tiền còn nợ. Đến giai đoạn phúc thẩm ông Ng đã tìm được giấy nhận tiền và nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm.

Nay bị đơn xác định đây là việc góp vốn, do chắc lép và Ông H đã lợi dụng

ông Ng, ví dụ như cả quá trình trả nợ không có ký nhận số tiền 650.000.000đông không thể hiện giao tiền, nhận tiền thế nào. Khi làm việc bà Lan đã khẳng định tháng 12 năm 2010 bà L đã đến nhà Ông H cùng ông Ng và Ông H đã đọc cho ông Ng viết giấy vay 1,2 tỷ và tại thời điểm đó còn có kế toán VLđi cùng và cuối 2011 Ông Hvà ông Ngđến công ty VLyêu cầu bà L trả tiền toàn bộ số tiền đã góp. Ông Ng và bà L trả nhiều lần, khoảng 500 triệu đồng, do lâu ngày không nhớ. Toàn bộ chứng từ hai bên làm ăn như thế nào là do ông Tân giữ và bàn giao cho công ty VL. Bà Ng1 đã có lời trình bày là người đại diện theo pháp luật nhưng không biết hoạt động như thế nào và toàn bộ hoạt động do ông T đứng ra quản lý, bà Ng1 đứng ra thành lập công ty là để bà trừ nợ của ông T. Về mặt pháp lý bà Ng1 là người đại diện và tại thời điểm Tòa án xác minh thì VLkhông còn hoạt động. Nên để nghị triệu tập ông T là người làm chứng. Bà L cũng đã khai rất rõ là ông H, ông Ng khai đòi VL không được thì mới quay ra đòi ông Ng. Dù là góp vốn hay vay tiền thì đều xác định Ông H đã bỏ ra 1,2 tỷ đồng nhưng bản chất là góp vốn và vay tiền là hai quan hệ khác nhau, Ông Hđòi về tranh chấp vay tài sản là không đúng bản chất. Đây là hợp đồng giả tạo, Ông Hkhông mất đi 1,2 tỷ, ông Ngquá tin Ông H nên trả nợ rất đơn giản nên Ông H mới khởi kiện được ông Ng. Đến nay Ông H khởi kiện đòi ông Ng số tiền 550.000.000đồng tiền gốc và lãi suất bị đơn không đồng ý trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan công ty TNHH VLbà Vũ Thị Ng1 là người đại diện theo pháp luật trình bày: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH VL ở Phố M, phường CĐ – SC. Nhưng từ khi thành lập đến nay hoạt động của Công ty như thế nào bà không biết (bà chỉ đứng tên trong Công ty với mục đích để khấu trừ nợ với ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị L). Hiện nay con dấu và giấy tờ pháp lý đều do ông T giữ và quản lý sử dụng. Đối với ông Ng, Ông H1 phường BH – PY, bà không biết hay làm ăn gì đối với hai ông từ năm 2010 đến nay. Về việc Ông H khởi kiện ông Ngkhông liên quan gì đến bà. Trong thời gian bà làm Chủ tịch Hội đồng thành viên bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông H, ông Ng và bà cũng không trả khoản tiền nào cho hai ông Ng, H. Ngày 10/2/2013 bà không được làm việc gì với ông Nguyên, Ông H Bà chưa bao giờ ủy quyền cho ông Tân, hay bà L làm việc gì với ông H, ông N.

Người làm chứng bà Hà Minh T tên gọi khác là Hà Thị L, bà là vợ của ông T trình bày: Hiện nay ông T đi làm ăn xa không có nhà. Về nội dung trao đổi giữa Ông H và ông Ng cùng nhau góp vốn làm ăn như thế nào bà không biết, mà bà chỉ nghe ông Ngnói là Ông H và ông Ng cùng hợp tác làm ăn. Đối với số tiền 1.200.000.000đồng mà ông Ngnhận của Ông Hnhư thế nào bà không biết, bà không

được nhận tiền 1.200.000.000đồng của ông H. Còn ông Ngcó trực tiếp làm ăn với bà. Ông Ng có đưa cho bà một lần 250.000.000đồng còn một lần ông Ng chuyển khoản vào trả tiền mua đất cho bà là 680.000.000đồng. còn lại giữa bà và ông Ngcòn hợp tác làm ăn nên việc vay trả tiền giữa bà và ông Ng còn nhiều lần khác nữa. Bà có biết qua ông Ng nói lại với bà là Ông H không gốp vốn nữa và ông Ng bảo bà trả lại tiền để ông Ng trả lại cho ông H. Bà đã thu xếp và trả cho ông Ng(trả qua kế toán, kế toán là ai và tên gì vì thay đổi nhiều lần nên bà không nhớ được. Đến nay quan điểm của bà là việc vay nợ 1.200.000.000đồng giữa ông H, ông Ng như thế nào không liên quan gì đến bà và Công ty VLvì bà không vay tiến của ông H, bà khẳng định không trả tiền 1.200.000.000đồng cho ông H. Bà làm ăn với ông Ngkhông liên quan gì đến ông H, bà Ngọc không biết và không liên quan, cũng không ủy quyền gì cho bà, thời gian ông Nggiao dịch làm ăn với bà khi đó bà đang làm thủ quỹ của Công ty TNHH VL ông T chồng bà không liên quan gì đến việc Ông H và ông Ng khởi kiện nhau. Hiện nay bà bị bệnh nặng không thể đến Tòa án để làm việc được. Bà cũng đã có văn bản với Tòa án từ trước kia. Bà vẫn giữ nguyên quan điểm. Vì sức khỏe yếu bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016 ngày 15/01/2016 của tòa án thị xã PY đã xét xử và quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông Ngtrả cho Ông H550.000.000 đồng gốc và 132.000.000đồng tiền lãi

Tại bản án phúc thẩm số 42/2016 ngày 15/8/2016 của Tòa án tỉnh Thái Nguyên xét xử hủy bản án sơ thẩm với lý do không đưa công ty TNHH VLvào tham gia tố tụng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số:01/2019/DSSTngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 91,Điều 144, 147, 227, 229, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 427, 471, 474, 476,478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Hoàng Văn H đối với Ông Nguyễn Đình Ng về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Về tiền nợ gốc: Buộc Ông Nguyễn Đình Ng phải có trách nhiệm trả cho Ông Hoàng Văn H số tiền vay gốc còn nợ lại là 550.000.000đồng (lăm trăm lăm mươi triệu đồng chẵn).

2. Về tiền lãi suất: Tiền lãi suất từ ngày 31/12/2010 đến 31/3/2011 là: (1.200.000đồng x 1,1%/ tháng x 3 tháng) = 39.600.000đồng. Tiền lãi suất từ ngày 27/5/2013 đến 22/3/2019 là 69 tháng 23 ngày (550.000.000đồng x 0,75%/ tháng x 69 tháng 23 ngày) = 287.787.500đồng.

Cộng hai khoản tiền lãi suất buộc Ông Nguyễn Đình Ng phải có trách nhiệm trả cho Ông Hoàng Văn H số tiền lãi là: 327.387.500đồng.

Tổng cộng buộc Ông Nguyễn Đình Ng có trách nhiệm trả cho Ông Hoàng Văn H số tiền gốc và tiền lãi suất là 877.387.500đồng (Tám trăm bảy mươi bảy triệu ba tám bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Ng không thi hành được khoản tiền trên, Ông H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Ng còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ông H đối với ông Ng về khoản tính phát sinh khoản lãi trong hạn (39.600.000đ x 9%/ năm x 69 tháng 23 ngày) = 20.720.700đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Ng phải nộp 38.321.625đồng án phí tài sản có giá gạch để sung quỹ Nhà nước. Ông Hphải nộp 1.024.650đồng án phí tài sản phần yêu cầu không được chấp nhận. được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.782.800đồng. Hoàn trả lại cho Ông Hoàng Văn H 18.758.150đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên tại biên lai số 0006336 ngày 06/10/2014 và biên lai số 0009791 ngày 14/10/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2019 ông Ng kháng cáo bản án với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên đã thanh toán trả nợ cho nhau xong, ông đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận cho đương sự và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ngvẫn giữ nguyên nôi dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự,ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

Về tố tụng : Đơn kháng cáo của ông Nglàm trong thời hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự Ông H và ông Ng đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:Ông Nguyễn Đình Ng có trách nhiệm thanh toán cho Ông Hoàng Văn H số tiền nợ gốc và lãi là 877.387.500 đồng(Tám trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), Ông Hoàng Văn H xác nhận Ông Nguyễn Đình Ng đã thanh toán xong cho Ông H tổng số tiền vay nợ gốc và tiền lãi suất là 877.387.500 đồng(Tám trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) như bản án sơ thẩm số 01/DSST ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã PY đã tuyên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự tự nguyện thỏa thuận đã thanh toán tiền cho nhau xong của hai bên như trên; Hội đồng xét xử thấy: Sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận cho hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 BLTTDS công nhận sự thỏa thuận cho hai bên, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019 ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân Thị xã Phổ Yên là có căn cứ

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyên, sửa bản án dân sự sơ thẩm 01/2019 ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân Thị xã Phổ Yên.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

1. Ông Nguyễn Đình Ng đã thanh toán xong cho Ông Hoàng Văn H tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất là 877.387.500đồng (Tám trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí : Ông Nguyễn Đình Ng phải nộp 38.321.625đồng án phí dân sự sung quỹ Nhà nước.

Ông H phải nộp 1.024.650đồng án phí tài sản phần yêu cầu không được chấp nhận. được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.782.800đồng. Hoàn trả lại cho Ông Hoàng Văn H 18.758.150đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY tại biên lai số 0006336 ngày 06/10/2014 và biên lai số 0009791 ngày 14/10/2018.

Án phí dân sự phúc thẩm : Ông Nguyễn Đình Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được trả lại 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004301 ngày 14/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Tòa án thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Dương Thị Liên